

Bản án số: 42/2017/HSST

Ngày 15/6/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hồ Hải Thành
2. Ông Ngô Văn Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Cán bộ Tòa án nhân dân Quận S TP Đà Nẵng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận S TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S, TP Đà Nẵng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐ-ST ngày 05/6/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: ĐẶNG CÔNG D; Tên gọi khác: B.

Sinh ngày 29/9/1989; Nơi ĐKKHKT: tổ 5A phường P, Quận S, TP Đà Nẵng và chỗ ở: 21 Hoàng Bích S, phường A, Quận S, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Công T, sinh năm 1965 và bà Phan Thị T, sinh năm

1966 (đều đã chết); Có vợ là Ngô Thị Tú C, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2012; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 17/01/2017; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1, Chị Nguyễn Thị S. Sinh năm 1980

Trú tại: tổ 35 phường H, Quận N, TP Đà Nẵng, vắng mặt

2, Anh Lê Đức Tuấn P. Sinh năm 1994

Trú tại: tổ 12 phường An Hải T, Quận S, TP Đà Nẵng, vắng mặt

3, Chị Đoàn Thị P. Sinh năm 1949

Trú tại : tổ 41 phường H, Quận H, TP Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có ma túy sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân, nên vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/01/2017, D điện thoại cho đối tượng tên N hỏi mua 1.000.000đ ma túy, N đồng ý bán và hẹn D đến chân cầu Rồng, Quận S để giao dịch mua bán. Đến khoảng 00 giờ ngày 17/01/2017, do sợ bị P hiện nên D nhờ Nguyễn Thị S và Lê Đức Tuấn P đến chân cầu Rồng, Quận S, thành phố Đà Nẵng nhận giúp gói đồ (S và P không biết là đi nhận giúp ma túy) nên đồng ý đi, khi đi D đưa cho S 500.000đ để đưa cho N để trả trước 500.000đ tiền mua ma túy và D còn nợ lại N 500.000đ. Sau khi nhận gói đồ (ma túy) xong, S và P mang về tại lô 22, đường Trần Bạch Đ, Quận S, thành phố Đà Nẵng để giao lại cho D, trong lúc giao gói ma túy cho D vào khoảng 01 giờ ngày 17/1/2017, Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Đặng Công D đang nhận gói ny lông bên trong chứa tinh thể màu trắng từ Nguyễn Thị S tại lô 22, đường Trần Bạch Đ, phường P , Quận S, TPĐN, D khai nhận đó là ma túy mua về để sử dụng. Tang vật thu giữ 01 gói ny lông chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu A).

Ngoài ra qua điều tra xác định: Vào ngày 13/1/2017, D mua của đối tượng tên N (không rõ nhân thân lai lịch) 1.000.000đ ma túy về sử dụng tại Lô 22 đường Trần Bạch Đằng, quận S.

Tang vật thu giữ gồm: 01 gói giấy màu trắng bên ngoài có dán băng keo trong, bên trong có một gói nylon màu trắng chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu A); 01 điện thoại di động màu vàng có dòng chữ HUAWEI có sim 0935.925.269, số IMEL 1: 869598024837687, IMEL 2: 869598023214987; số tiền 600.000đ.

Tại Kết luận giám định số: 102/GĐ-MT ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:

- Tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon (ký hiệu A) gửi giám định có chất ma túy, loại Methamphetamine, Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ, có trọng lượng ban đầu: 2,354gam. Trọng lượng sau khi giám định hoàn lại là: 2,026gam mẫu A và toàn bộ vỏ bao gói.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đức Tuấn P thừa nhận có đồng ý với D nhận giúp gói đồ đưa cho N nhưng S và P không biết là đi nhận giúp ma túy là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Đặng Công D.

Bản cáo trạng số 33/2017/CT- VKS ngày 26/4/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận S, TP Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Đặng Công D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Công D từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Về xử lý vật

chứng: Sung công quỹ nhà nước điện thoại vì dùng liên lạc mua ma túy trái phép; số tiền 600.000đ là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án. Đề nghị tiêu hủy gói ny lông có chất ma túy và tiêu hủy sim.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và hứa sẽ không tái phạm nên mong Hội đồng xét xử cho bị cáo một mức án nhẹ để bị cáo sớm đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận S, TP Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, đối với kết luận giám định số: 102/GĐ-MT ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng do Công an Quận S, TP Đà Nẵng trưng cầu giám định chưa giám định hàm lượng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 1 Thông tư liên tịch 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015; xét cần thiết cần thiết để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật nên Tòa án nhân dân Quận S, TP Đà Nẵng đã ra quyết định trưng cầu giám định số 01/2017/QĐ-TCGD ngày 29/5/2017 trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại Đà Nẵng giám định hàm lượng ma túy loại Methamphetamine trong mẫu ký hiệu A.

Tại Kết luận giám định số: 357/C54C (Đ4) ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại Đà Nẵng kết luận như sau:

Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) đựng trong 01 gói nylon (ký hiệu A) gửi giám định có Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 70,71%.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Như vậy, chất ma túy dạng rắn tại mẫu ký hiệu A là 1,66 gam.

Đối chiếu với điểm e tiêu mục 3.6 phần II Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 thì trọng lượng trên sau khi giám định hàm lượng của bị cáo Đặng Công D đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Để xác định bị cáo có tội hay không có tội cần phải xác định hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đặng Công D khi đang nhận gói ma túy từ Nguyễn Thị S tại lô 22, đường Trần Bạch Đằng, phường P, Quận S, TP Đà Nẵng không nhằm mục đích mua bán mà bị cáo dùng để sử dụng là hoàn toàn phù hợp với cấu thành tội phạm đã được quy định tại điều 194 Bộ luật hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ở đây, bị cáo Đặng Công D nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn thực hiện và được thực hiện do cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai đã có hành vi mua ma túy đá của đối tượng N vào ngày 13/01/2017 với giá 1.000.000 đồng nhưng không biết trọng lượng bao nhiêu. Số ma túy đó bị cáo đã sử dụng hết, không bao gồm số ma túy mà công an thu giữ ngày 17/01/2017 nên không có cơ sở xem xét định khung phạm tội nhiều lần đối với bị cáo. Do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Song xét thấy tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản

1 điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Do không xác định được tình trạng tài sản của bị cáo Đặng Công D đồng thời tại phiên tòa bị cáo khai gia đình là hộ nghèo nhưng bị cáo không xuất trình được chứng cứ. Tuy nhiên xét thấy hiện nay cha mẹ bị cáo đều đã chết, vợ con bị cáo ở xa nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với hành vi nhận giúp gói ma túy cho bị cáo Đặng Công D, Nguyễn Thị S và Lê Đức Tuấn P không biết trong gói hàng nhận giúp là ma túy. Vì vậy, xét thấy Nguyễn Thị S và Lê Đức Tuấn P không phải đồng phạm với vai trò giúp sức nên Cơ quan CSĐT Công an Quận S không xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng tên N đã bán ma túy cho bị cáo Đặng Công D hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an Quận S tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Đặng Công D, Lê Đức Tuấn P, Huỳnh Anh D, Công an Quận S, TP Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan công an thu giữ của bị cáo 01 gói giấy màu trắng bên ngoài có dán băng keo trong, bên trong có một gói nylông màu trắng chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu A); 01 điện thoại di động màu vàng có dòng chữ HUAWEI có sim 0935.925.269, số IMEL 1: 869598024837687, IMEL 2: 869598023214987; số tiền 600.000đ. Trong đó:

+ Sau khi thu giữ gói nylông màu trắng chứa tinh thể màu trắng, sau khi công an Quận S trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự TP Đà Nẵng gồm 2,026 gam Methamphetamine. Sau đó, Tòa án nhân dân Quận S trưng cầu giám định là 01 bì niêm phong có đóng dấu giáp lai và chữ ký giám định viên Phạm Phú Quảng được hoàn trả sau khi giám định số 357/C54C (Đ4) ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại Đà Nẵng gồm

1,487gam mẫu vật còn lại và bao gói mẫu vật là tang vật trong vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 600.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với điện thoại di động bị cáo sử dụng nhằm mục đích liên lạc mua ma túy nên sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với sim 0935.925.269 không còn giá trị sử dụng nên xét tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Công D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Công D 3 năm 6 tháng (Ba năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt, ngày 17/01/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0935.925.269.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu vàng có dòng chữ HUAWEI, số IMEL 1: 869598024837687, IMEL 2: 869598023214987.

- Tiếp tục tuyên quy trừ số tiền 600.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng trên hiện cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự Quận S, TP Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2017.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong có đóng dấu giáp lai và chữ ký giám định viên Phạm Phú Quảng được hoàn trả sau khi giám định số 357/C54C (Đ4) ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ công an tại Đà

Nặng gồm 1,487gam mẫu vật còn lại và bao gói mẫu vật là tang vật trong vụ án hiện cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự Quận S TP Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2017.

Án phí HSST: Bị cáo Đặng Công D phải chịu 200.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/6/2017. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày tòa niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :**

- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng
- VKSND Quận S
- Lưu hồ sơ, VT

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé